TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2025
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Đặng Thị Thanh Thảo

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Phú Hữu

Bà Bùi Thị Hoàng

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Thuỷ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2025/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình – ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 89/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Phạm Thị T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn Tấn T1, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T, anh T1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn Phạm Thị T trình bày, yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tấn T1 quen biết và kết hôn với nhau, hai bên tổ chức lễ cưới vào ngày 10/4/2024, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau lễ cưới, chị và anh T1 phát sinh mẫu thuẫn, do khoảng cách hai gia đình xa nhau, vì công việc của chị không thể ở bên gia đình anh T1 được, còn anh T1 không thể sống ở bên gia đình chị được lý do anh T1 là con trai út, nên

dẫn đến không cùng quan điểm trong hôn nhân, không có tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng cũng nhạt dần theo thời gian.

Chị và anh Nguyễn Tấn T1 ly thân từ tháng 4/2024 cho đến nay khoảng 7 tháng, trong thời gian sống ly thân hai bên không có hàn gắn tình cảm. Nhận thấy hôn nhân không đạt được mục đích. Nay chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh Nguyễn Tấn T1 là vợ chồng.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến nào khác.

Anh Nguyễn Tấn T1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt vắng mặt và có Văn bản trình bày ý kiến với nội dung: Về quan hệ hôn nhân anh và chị Phạm Thị T kết hôn năm 2024 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian kết hôn, thời gian chung sống và mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng, anh thống nhất như chị T trình bày, nay chị T yêu cầu ly hôn, nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị T; Về con chung, không có, không yêu cầu Toà án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung, không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc vắng mặt các đương sự tại phiên toà: Nguyên đơn chị Phạm Thị T và bị đơn anh Nguyễn Tấn T1 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định nguyên đơn chị Phạm Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T1, như vậy quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn" theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân gia đình - ly hôn, nuôi con giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và bị đơn anh Nguyễn Tấn T1 có địa chỉ tại xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy

định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Tấn T1 chung sống với nhau từ năm 2008 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…"

Như vậy, theo quy định pháp luật thì hôn nhân giữa chị T và anh T1 không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và 16 của Luật này". Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Tấn T1 là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Tấn T1 đều trình bày anh chị không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Tấn T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Tấn T1 là vợ chồng.

Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013336 ngày 19/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Chị Phạm Thị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con.

Anh Nguyễn Tấn T1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con.

Chị Phạm Thị T, anh Nguyễn Tấn T1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS ND TPCL;
- TAND Tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Thanh Thảo